

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

9. Số báo danh 10. Mã đề thi

Giám thị 1:
Họ và tên:.....
Chữ ký:.....

Giám thị 2:
Họ và tên:.....
Chữ ký:.....

1. Tỉnh/TP:.....

2. Hội đồng coi thi :.....

3. Phòng thi:.....

4. Họ và tên thí sinh:.....
.....

5. Ngày sinh:...../...../.....

6. Chữ ký của thí sinh:.....

7. Bài thi:.....

8. Ngày thi:...../...../.....

--	--	--	--	--	--

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

--	--	--

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

Thí sinh lưu ý: - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách
- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn
- Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.

Phản trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

01 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

02 ☐ A ☐ B ☒ ☐ D

03 ☐ A ☐ B ☒ ☐ D

04 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

05 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

06 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

07 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

08 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

09 ☐ A ☐ B ☒ ☐ D

10 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

11 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

12 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

13 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

14 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

15 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

16 ☐ A ☒ ☐ C ☐ D

17 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

18 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

19 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

20 ☐ A ☒ ☐ C ☐ D

21 ☐ A ☒ ☐ C ☐ D

22 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

23 ☐ A ☐ B ☒ ☐ D

24 ☐ A ☒ ☐ C ☐ D

25 ☐ A ☒ ☐ C ☐ D

26 ☐ A ☐ B ☒ ☐ D

27 ☐ A ☒ ☐ C ☐ D

28 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

29 ☐ A ☐ B ☒ ☐ D

30 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D

31 ☐ A ☐ B ☒ ☐ D

32 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

33 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

34 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

35 ☐ A ☒ ☐ C ☐ D

36 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

37 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

38 ☐ A ☐ B ☒ ☐ D

39 ☐ A ☐ B ☐ C ☒

40 ☒ ☐ B ☐ C ☐ D